TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 57/2024/DS-PT Ngày 25-4-2024. *"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy
Ông Vũ Đại Long

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2018/TLPT-DS ngày 06/8/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số:72/2023/DS-ST ngày 21/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2024/QĐXXPT-DS ngày 05tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-DS ngày 05/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày_17/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hồng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn HN, xã HT, huyện Ho, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình C, sinh năm 1991. Luật sư Công ty Luật Trí Tài; Địa chỉ: Số 14, Ngõ 1, đường Phú Vinh Đông 1, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Tiến V, sinh năm 1990.
2. Chị Lê Thị G, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số nhà X, đường H, khu TM, thị trấn H, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Phố TS, thị trấn BS, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Do có kháng cáo của chị Mai Thị Hồng T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc.

Tại phiên tòa có mặt chị Mai Thị Hồng T, ông Lê Đình C, vắng mặt chị Lê

Thị G và anh Nguyễn Tiến V có lý do, vắng mặt chị Nguyễn Thị T1 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguyên đơn chị Mai Thị Hồng T trình bày:

Chị có quan hệ quen biết với vợ chồng chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tiến V từ năm 2017. Quá trình quen biết hai bên có hỗ trợ nhau trong việc vay vốn kinh doanh (lấy hàng, phát triển cửa hàng, đảo sổ đáo hạn ngân hàng). Chị cho vợ chồng chị G anh V vay tiền từ cuối năm 2021. Ban đầu số tiền vay ít, sau khi tạo dựng được niềm tin số tiền cho vay nhiều hơn. Phương thức cho vay chuyển khoản hoặc tiền mặt. Việc vay mượn chị G trực tiếp thực hiện với chị nhưng anh Việt đều biết vì có những lần nhận tiền mặt, anh Việt chở chị G đến nhận tiền chị có thông báo với anh V về số tiền nợ. Mục đích vay tiền là để lấy hàng, đảo sổ, mở rộng hệ thống kinh doanh nhằm phát triển kinh tế chung của vợ chồng chị G anh V.

Tính đến ngày 23/11/2022 số tiền chị cho chị G anh V vay tổng cộng là 2.370.000.000 đồng. Chị đã yêu cầu chị G, anh V trả nợ từ cuối năm 2022 nhưng chị G và anh V dây dưa không trả. Về lãi suất chị G thanh toán cho chị đầy đủ đến ngày 04/4/2023. Sau đó chị đã thúc giục yêu cầu chị G anh V trả nợ nhưng chị G và anh V không thực hiện, khất lần sau đó chặn liên lạc, anh V chối bỏ trách nhiệm, không có thiện chí trả nợ.

Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị G và anh V trả số tiền đã vay tổng cộng là 2.370.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 4/2023 đến khi trả hết nợ.

2.1.Theo bị đơn chị Lê Thị G trình bày:

Chị có quan hệ quen biết chị Mai Thị Hồng T từ năm 2017. Thời gian từ năm 2021 đến nay chị có vay của chị Mai Thị Hồng T tổng số tiền 2.370.000.000 đồng. Số tiền này được cộng dồn của nhiều lần vay, cụ thể:

Lần 1, ngày 05/11/2021 vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 24/11/2021 vay thêm 200.000.000 đồng. Tổng hai khoản vay là 700.000.000 đồng được thể hiện theo nội dung giấy vay tiền ngày 05/11/2021;

Lần 2: Ngày 24/12/2021 vay số tiền 470.000.000 đồng (giấy vay tiền ngày 24/12/2021);

Lần 3: Ngày 05/01/2022 vay số tiền 900.000.000 đồng (giấy vay tiền ngày 05/01/2022);

Lần 4: Ngày 23/11/2022 hai bên chốt lại số nợ còn đang nợ chị Thắm là 2.070.000.000 đồng. Đồng thời vào ngày này chị vay thêm số tiền 300.000.000 đồng. Tổng nợ cộng dồn lại thành 2.370.000.000 đồng (giấy vay đề ngày 23/11/2022).

Các giấy vay nợ đều không thể hiện thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận về tiền lãi bằng thỏa thuận miệng. Có khoản tính lãi 1.800 đồng, có khoản 2.500 đồng/1 triệu/ngày. Chị đã trả lãi cho chị T các khoản vay đến hết tháng 3/2023. Số tiền gốc đã chốt nợ với chị Thắm chị đang khó khăn chưa có khả năng trả một lúc cho chị T được. Đề nghị chị T tạo điều kiện để chị trả dần. Đề nghị chị T tính toán lại về phần tiền lãi trừ vào tiền gốc chị đã chuyển khoản trả cho chị T. Chị cũng không biết đã trả nợ cho chị T được bao nhiêu tiền

gốc và bao nhiêu tiền lãi.

2.2. Theo bị đơn Nguyễn Tiến V trình bày:

Anh không nhận tiền vay trực tiếp của chị T, không ký nhận giấy vay của chị T. Vợ anh vay chị T bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền anh không biết nên cô Giang là người vay thì phải có trách nhiệm trả nợ cho chị T. Tuy nhiên là quan hệ vợ chồng nên anh cùng đồng hành cùng chị G để trả nợ cho chị T.

3. Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 trình bày

Chị T1, chị T, chị G, anh V có mối quan hệ bạn bè. Riêng vợ chồng anh V, chị G có quan hệ làm ăn với chị trong việc kinh doanh hệ thống cửa hàng Donal.

Chị có vay của chị T số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó chị được ngân hàng giải ngân số tiền 500.000.000 đồng, chị nhờ tài khoản của chị G để giải ngân vào tài khoản của chị G (vì ngân hàng không giải ngân vào tài khoản của người vay mà giải ngân vào đối tác kinh doanh). Chị không xác định khoản tiền 350.000.000 đồng chị đã chuyển cho chị T ngày 24/5/2022 là tiền chị T1 nhờ chị chuyển cho chị T mà đây là khoản tiền chị chuyển trả nợ cho chị T. Trước đó cùng ngày hôm đó chị cũng chuyển trả nợ cho chị T1 số tiền 150.000.000 đồng giao dịch mua hàng với chị T1. Chị đề nghị xem xét số tiền này là tiền chị trả nợ cho chị T theo chứng cứ sao kê là chị chuyển tiền cho chị T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 21/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc đã quyết định:

* Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 5; Điều 76; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 116; Điều 117; Điều 274; Điều 275; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng T đối với chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V.

Buộc chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V phải trả cho chị Mai Thị Hồng T số tiền đã vay còn nợ là 1.188.629.900 đồng, số tiền lãi còn nợ là 75.225.600 đồng. Tổng cộng là 1.263.855.500 đồng (một tỉ hai trăm sáu mươi ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

***Về án phí:** Chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V phải nộp 49.915.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chị Mai Thị Hồng T phải nộp 44.856.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.687.500 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0005272 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chị Mai Thị Hồng T còn phải nộp số tiền 4.169.200 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 01/12/2023 chị Mai Thị Hồng T (nguyên đơn) làm đơn kháng với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bị đơn phải trả số tiền là 2.370.000.000đ hoặc tiền gốc là 1.856.893.494đ và tiền lãi. Ngày 01/12/2023 chị Nguyễn Thị T1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) làm đơn kháng với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 05/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa có quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS với nội dung; Do cấp sơ thẩm đã sai về phương pháp tính lãi suất, lãi suất quá hạn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên đề nghị sửa án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện đã trình bày tại cấp sơ thẩm, và giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị G và anh V trả số tiền đã vay tổng cộng là 2.370.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc từ tháng 4/2023 đến tháng 4/2024 là 12 tháng theo mức lãi suất 10%/năm (0,833%/tháng). Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa thay đổi kháng nghị đối với nội dung án sơ thẩm vi phạm trong việc không tính lãi suất quá hạn và mức tính lãi suất 20%/năm. Giữ nguyên nội dung kháng nghị về việc tính án phí.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

+ Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Mai Thị Hồng T (nguyên đơn); Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung về tính án phí.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thay đổi nội dung kháng nghị. các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm xác định chị Nguyễn Thị T1 liên quan đến khoản thanh toán 350.000.000đ vào ngày 24/5/2022 là không chính xác bởi lẽ giao dịch này được thực hiện trước ngày 23/11/2022 là ngày chị G viết giấy vay tiền nên chị Nguyễn Thị T1 không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên chị T1 không có quyền kháng cáo.

Bị đơn là chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V vắng mặt tại các phiên tòa ngày 05/4/2024; ngày 17/4/2024 có lý do; Tại phiên tòa ngày 25/4/2024 anh V, chị

G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vụ án vắng mặt anh V và chị G.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của chị Mai Thị Hồng T (nguyên đơn):

2.1. Về số tiền vay nợ: Theo giấy vay tiền chị G viết ngày 23/11/2022 và trong các bản tự khai cũng như trong quá trình làm việc, chị Gi thừa nhận chị G có vay của chị T số tiền là 2.370.000.000đ, đã trả lãi đến ngày 4/4/2023. Hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận lãi suất miệng, không thỏa thuận thời hạn vay, hứa sẽ hoàn trả số tiền trên đúng hẹn theo giấy vay tiền ngày 23/11/2022 là đúng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của chị Giang để tính toán lại toàn bộ nội dung giao dịch từ năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/11/2023) trong khi chị G không có đơn phản tố và buộc chị Giang phải trả cho chị T số tiền 1.263.855.500 đồng, trong đó: tiền gốc: 1.188.629.900 đồng, tiền lãi: 75.225.600 đồng là chưa chính xác.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền ngày 23/11/2022 các bên không thỏa thuận về lãi suất phải trả. Chị T và chị G thống nhất hai bên đã thanh toán đến ngày 04/4/2023. Tính đến nay, đã quá thời hạn vay là 12 tháng, chị G và anh V chưa trả tiền vay cho chị T theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng chị G, anh V phải trả cho chị T số tiền gốc 2.370.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/4/2023 đến thời điểm xét xử phúc thẩm (ngày 25/4/2024) là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện củanguyên đơn chỉ yêu cầu thời gian tính lãi là 12 tháng.

2.2. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc.

Như đã phân tích trên; Cấp sơ thẩm đã tính lại quá trình giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn từ năm 2021 mà không căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo giấy vay tiền của bị đơn xác lập nên xác định sai số tiền gốc bị đơn vay của nguyên đơn theo giấy vay tiền ngày 23/11/2022 dẫn đến việc áp dụng mức lãi suất sai và tính sai số tiền lãi để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nên tại phiên tòa Viện kiểm sát đã thay đổi nội dung kháng nghị về mức lãi suất 10%/năm và không tínhlãi suất quá hạn là chính xác nên nội dung kháng nghị này được chấp nhận. Đối với nội dung kháng nghị vi phạm trong việc tính án phí dân sự là chính xác. Do việc xác định sai số tiền gốc, sai phương pháp tính lãi dẫn đến tính sai án phí nên kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận..

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị T. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc. Theo đó sửa án sơ thẩm về việc buộc chị G và anh V phải trả cho chị Thắm số tiền gốc là: 2.370.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/4/2023 đến thời điểm xét xử phúc thẩm cụ thể như sau: 2.370.000.000đ x 0,833%/tháng x 12 tháng = 236.900.000đ., Buộc chị G và anh V phải trả cho chị T số tiền gốc là 2.370.000.000 đồng, tiền lãi là 236.900.000đ. Tổng gốc và lãi là 2.607.000.000 đồng.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí sơ thẩm: Do khoản tiền chị G và anh V phải trả cho chị Thắm có thay đổi nên án phí sơ thẩm cũng được tính lại theo quy định.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Mai Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do chị Nguyễn Thị Trang không có quyền kháng cáo nên trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị Trang.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Mai Thị Hồng T. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc đối với nội dung về việc tính án phí. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 21/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc về số tiền gốc, tiền lãi phải trả và tiền án phí sơ thẩm.

*** Áp dụng:** Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Các Điều 271; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 357; khoản 1 Điều 468; Điều 288 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

Buộc chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V phải liên đới trả cho chị Mai Thị Hồng T số tiền nợ gốc là 2.370.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 25/4/2024) là: 236.900.000đ. Tổng gốc và lãi là 2.607.000.000đ (hai tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu đồng).

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V phải nộp 84.140.000đ (tám mươi tư triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trả lại cho chị Mai Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.687.500đ (bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2022/0005272 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Án phí phúc thẩm: Chị Mai Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300. 000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2023/0006656 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2022/0006657 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Trách nhiệm, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Mai Thị Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếuchij Lê Thị G và anh Nguyễn Tiến V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ gốc phải trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền nợ gốc chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như